

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng  
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến Bác sĩ  
Để xa tầm tay trẻ em

**Rx RINGER'S LACTATE**

**Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch**

**Thành phần:** Mỗi 500 mL dung dịch có chứa:

| Thành phần dược chất:              | Hàm lượng     |
|------------------------------------|---------------|
| Sodium Chloride                    | 3,00 g        |
| Sodium Lactate                     | 1,55 g        |
| Potassium Chloride                 | 0,15 g        |
| Calcium Chloride.2H <sub>2</sub> O | 0,10 g        |
| Thành phần tá dược:                |               |
| Nước pha tiêm                      | vừa đủ 500 mL |

Áp suất thẩm thấu: 274 mOsm/L (tương đương với áp suất thẩm thấu của dung dịch Sodium chloride 0,9%).

Ion: Na<sup>+</sup>: 130 mEq/L  
K<sup>+</sup>: 4mEq/L  
Ca<sup>2+</sup>: 2,7 mEq/L  
Cl<sup>-</sup>: 109,5 mEq/L  
Lactate<sup>-</sup> (dưới dạng HCO<sub>3</sub><sup>-</sup>): 27,5 mEq/L

**Dạng bào chế:** Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch trong suốt, không màu.

**Quy cách đóng gói:** Thùng 20 túi 500 mL.

**Chỉ định điều trị:**

Thuốc chỉ được dùng trong bệnh viện dưới sự giám sát của Bác sĩ.

Dùng trong các trường hợp mất nước nặng (chủ yếu mất nước ngoài tế bào) không thể bồi phụ được bằng đường uống (người bệnh hôn mê, uống vào nôn ngay, trụy mạch).

Giảm thể tích tuần hoàn nặng, cần bù nhanh (sốc phản vệ, sốc sốt xuất huyết...).

Nhiễm toan chuyển hóa (dùng Ringer's Lactate có glucose).

**Liều lượng và cách dùng:**

Chỉ dùng đường tiêm/truyền tĩnh mạch.

Số lượng và tốc độ truyền dịch phải do Bác sĩ quyết định và phụ thuộc vào tuổi tác, cân nặng triệu chứng lâm sàng và sinh hóa (điện giải đồ, hematocrit, lượng nước tiểu...) và phải được điều chỉnh theo lượng glucose và chất điện giải trong máu.

*Dùng cho trẻ em:* Không có liều dùng đặc biệt. Liều lượng phụ thuộc vào cân nặng, tình trạng lâm sàng và kết quả xét nghiệm. Điều trị tiêu chảy mất nước nặng ở trẻ em, có thể theo khuyến cáo của Tổ chức y tế thế giới:

Truyền tĩnh mạch ngay, lúc đầu 30 mL/kg thể trọng trong 1 giờ (trẻ dưới 12 tháng tuổi) hoặc 30 phút (trẻ trên 12 tháng đến 5 tuổi), sau đó 70 mL/kg thể trọng trong 5 giờ (trẻ dưới 12 tháng) hoặc 2 giờ 30 phút (trẻ trên 12 tháng đến 5 tuổi). Cách 1-2 giờ phải đánh giá lại tình trạng người bệnh. Nếu tình trạng mất nước không đỡ, cho chảy nhỏ giọt nhanh hơn.

Điều trị sốc sốt xuất huyết (độ III và độ IV): Truyền 20 mL/kg thể trọng trong 1 giờ rồi đánh giá lại tình trạng người bệnh.

**Chống chỉ định:**

Chống chỉ định trong trường hợp các ion natri, kali, canxi, clor hay lactat thêm vào có thể gây bất lợi trên lâm sàng cho người bệnh như suy tim sung huyết, tăng kali huyết, suy thận nặng, phù giữ natri và kali; người bệnh đang dùng digitalis (vì trong Ringer's Lactate có canxi gây loạn nhịp tim nặng có thể tử vong), mẫn cảm với natri lactat.

Không dùng đồng thời dung dịch Ringer's Lactate với ceftriaxon cho trẻ sơ sinh (dưới 28 ngày tuổi), ngay cả khi dùng các đường truyền khác nhau (nguy cơ tử vong do kết tủa muối canxi của ceftriaxon trong tuần hoàn trẻ sơ sinh). Với người bệnh trên 28 ngày tuổi (kể cả người lớn), không dùng ceftriaxon cùng lúc bằng cùng bộ dây truyền với dung dịch Ringer's Lactate. Nếu dùng cùng 1 bộ dây truyền để truyền lần lượt, cần phải rửa dây truyền bằng dung dịch phù hợp.

Không truyền chung trong một bộ truyền dịch với máu do có nguy cơ đông máu.

Không dùng trong trường hợp nhiễm kiềm hoặc nhiễm toan chuyển hóa nặng, bệnh gan nặng hoặc tình trạng thiếu oxy ảnh hưởng đến quá trình chuyển hóa lactat.

Không dùng để điều trị nhiễm toan lactic.

### **Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:**

Dùng nhiều có thể dẫn đến nhiễm kiềm chuyển hóa.

Cần thận trọng khi dùng cho người bệnh tăng thể tích máu, suy thận, tắc nghẽn đường tiết niệu hoặc sắp hoặc đã bị mất bù tim.

Phải truyền chậm và theo dõi chặt chẽ người bệnh về mặt lâm sàng và xét nghiệm sinh học, đặc biệt là tình trạng cân bằng nước và điện giải, cân bằng acid-base nếu thời gian điều trị kéo dài.

Cần thận trọng khi dùng dung dịch có chứa natri cho người bệnh đang dùng corticosteroid hoặc corticotropin hoặc các thuốc có tác dụng giữ muối khác.

Cần thận trọng khi dùng dung dịch có chứa natri hoặc kali cho người suy thận hoặc suy tim mạch, có hoặc không kèm suy tim xung huyết, đặc biệt với người sau phẫu thuật hoặc người già.

Cần theo dõi điện tâm đồ khi điều trị bằng kali, đặc biệt với người đang dùng digitalis. Lượng kali trong máu không nhất thiết chỉ thị hàm lượng kali trong mô.

Cần thận trọng khi sử dụng dung dịch có chứa canxi cho người bị bệnh tim, đặc biệt có kèm theo bệnh thận. Đặc biệt thận trọng khi dùng canxi đường tĩnh mạch cho người đang dùng các chế phẩm digitalis.

Để giảm nguy cơ tương kỵ khi phối hợp dung dịch này với các thuốc khác được kê thêm, dung dịch trước khi truyền phải được kiểm tra ngay sau khi trộn, trước khi truyền và định kỳ trong khi truyền xem có xuất hiện kết tủa hay kết tủa không.

Không được dùng tiêm bắp.

**Tương tác thuốc:** Cần thận trọng xem xét tính tương hợp của thuốc khi pha trong dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch Ringer's Lactate.

**Tính tương kỵ:** Dung dịch này có chứa canxi nên không truyền cùng với máu trong cùng một bộ dây truyền vì có nguy cơ gây đông máu.

Không trộn lẫn dung dịch Ringer's Lactate với các dung dịch có chứa carbonat, bicarbonat, phosphat, sulfat và tartrat do gây kết tủa với canxi.

**Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:** Không có dữ liệu về sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai, chỉ nên dùng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

### **Tác dụng không mong muốn của thuốc:**

Có thể xảy ra các phản ứng do kỹ thuật truyền hoặc do dung dịch, bao gồm các phản ứng sốt, nhiễm trùng tại vị trí tiêm, huyết khối tĩnh mạch hoặc viêm tĩnh mạch lan tỏa từ vị trí tiêm, thoát mạch và tăng thể tích máu.

Truyền quá nhanh dung dịch ưu trương có thể gây đau tại chỗ và kích ứng tĩnh mạch. Tốc độ truyền phải được điều chỉnh phù hợp với khả năng chịu đựng của người bệnh.

Có thể có các triệu chứng do quá thừa hoặc quá thiếu một hoặc nhiều ion có mặt trong dung dịch; vì vậy cần kiểm tra thường xuyên mức độ điện giải.

Các phản ứng khác do truyền hoặc quá mẫn: giảm nhịp tim, nhịp tim nhanh, hạ huyết áp, suy hô hấp, phù nề thanh quản, đỏ bừng mặt, kích ứng họng, dị cảm, giảm cảm giác miệng, loạn vị giác, lo âu, đau đầu, hắt hơi, tăng kali máu, tăng thể tích máu, các phản ứng khác tại chỗ tiêm, viêm tĩnh mạch, thoát mạch, sưng, viêm, phát ban, đau, nóng đỏ chỗ tiêm.

*Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

**Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:** Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

#### **Đặc tính dược lực học:**

Dung dịch Ringer's Lactate có thành phần gần như tương tự với thành phần của dịch ngoại bào, có thể cung cấp nước và điện giải cho cơ thể. Do vậy dung dịch này thích hợp dùng trong quá trình phẫu thuật hoặc điều trị tình trạng sốc do mất thể tích tuần hoàn (mất máu và mất nhiều dịch ngoại bào). Ngoài ra, thành phần natri lactat trong dung dịch được chuyển hóa thành  $\text{HCO}_3^-$  trong cơ thể giúp cải thiện tình trạng nhiễm toan.

#### **Đặc tính dược động học:**

Dung dịch được hấp thu nhanh và phân bố rộng rãi trong cơ thể sau khi tiêm truyền. Ion lactat được nhanh chóng chuyển hóa thành ion bicarbonat. Dung dịch được thải trừ chủ yếu qua nước tiểu, một phần qua phân.

#### **Quá liều và cách xử trí:**

Nhẹ: Phù, rối loạn điện giải.

Nặng: Phù phổi cấp, suy tim cấp gây tử vong.

Nếu thấy phù dưới da, nhất là thấy khó thở phải ngừng truyền ngay, cho điều trị thích hợp (tiêm tĩnh mạch thuốc lợi tiểu, thở oxy...).

**Điều kiện bảo quản:** Ở nhiệt độ dưới 30°C.

Không được mở, chọc thủng túi thuốc trước khi dùng.

Phải bỏ dung dịch truyền dở hoặc có nghi ngờ vẫn đục.

**Hạn sử dụng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Tiêu chuẩn chất lượng:** JP

**Nhà sản xuất:**



Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam

Lô 512, Đường 13, KCN Long Bình (Amata), P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.